

Số: *919*/BC-SNN

*Bắc Ninh, ngày 03 tháng 7 năm 2020*

## **BÁO CÁO**

### **Đề xuất chủ trương đầu tư**

**Dự án: Cứng hóa kênh tiêu Tây Nam trạm bơm tiêu Phấn Động, huyện Yên Phong ( đoạn từ dự án Susan đến K0+170 kênh tiêu V4 )**

Kính gửi: UBND tỉnh Bắc Ninh.

Căn cứ Luật Đầu tư công số 39/2019/QH14 ngày 13/06/2019;

Căn cứ Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;

Căn cứ Quyết định số 40/2016/QĐ-UBND ngày 20/9/2016 của UBND tỉnh Bắc Ninh về việc Ban hành Quy định một số nội dung về quản lý đầu tư công trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh;

Căn cứ Quyết định số 337/QĐ-UBND ngày 16/6/2020 của UBND tỉnh Bắc Ninh về việc thành lập Hội đồng thẩm định chủ trương đầu tư các Chương trình, dự án đầu tư công cấp tỉnh;

Căn cứ Văn bản số 1943/UBND-NN ngày 10/6/2020 của UBND tỉnh Bắc Ninh về việc giao lập báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư Dự án Cứng hóa kênh tiêu Tây Nam trạm bơm tiêu Phấn Động, huyện Yên Phong (đoạn từ dự án Susan đến K0+170 kênh tiêu V4) .

Sở Nông nghiệp và PTNT Bắc Ninh trình UBND tỉnh Bắc Ninh Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư dự án Cứng hóa kênh tiêu Tây Nam trạm bơm tiêu Phấn Động, huyện Yên Phong (đoạn từ dự án Susan đến K0+170 kênh tiêu V4) với các nội dung chính sau:

### **I. THÔNG TIN CHUNG DỰ ÁN**

1. Tên dự án: Cứng hóa kênh tiêu Tây Nam trạm bơm tiêu Phấn Động, huyện Yên Phong ( đoạn từ dự án Susan đến K0+170 kênh tiêu V4 )
2. Nhóm dự án: Dự án nhóm C.
3. Cấp quyết định chủ trương đầu tư: Hội đồng nhân dân tỉnh Bắc Ninh.
4. Cấp quyết định đầu tư: UBND tỉnh Bắc Ninh.
5. Chủ đầu tư: Ban QLDA ĐTXD các công trình Nông nghiệp và PTNT Bắc Ninh.
6. Địa điểm thực hiện dự án: Huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh.

7. Dự kiến tổng mức đầu tư: **12.498.375.000 đồng.**

(Mười hai tỷ, bốn trăm chín mươi tám triệu ba trăm bảy mươi lăm nghìn đồng./.)

8. Thời gian thực hiện: Năm 2020-2022.

9. Các thông tin khác (nếu có): Không.

## **II. NỘI DUNG CHỦ YẾU CỦA DỰ ÁN**

**1. Sự cần thiết đầu tư, các điều kiện để thực hiện các mục tiêu chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế- xã hội**

### **1.1. Sự cần thiết đầu tư**

Tuyến kênh tiêu Tây Nam trạm bơm tiêu Phấn Động, huyện Yên Phong ( đoạn từ dự án Susan đến K0+170 kênh tiêu V4 ) có nhiệm vụ tiêu thoát nước cho khoảng 261ha đất tự nhiên của huyện Yên Phong và khu công nghiệp Yên Phong. Hiện trạng tuyến kênh là kênh đất, bờ kênh kết hợp giao thông, mái kênh bị sạt lở nhiều, lòng kênh bị bồi lắng phủ kín bèo rác gây ách tắc dòng chảy ảnh hưởng đến việc tiêu thoát nước cho khu vực và làm mất ổn định mái bờ kênh, giao thông đi lại dọc bờ kênh gặp khó khăn.

Mặt khác tuyến kênh tiêu Tây Nam trạm bơm Phấn Động (đoạn từ dự án Susan đến K0+170 kênh tiêu V4) phụ trách tiêu trực tiếp cho khu công nghiệp Yên Phong có hướng tiêu về trạm bơm Phấn Động với tổng chiều dài khoảng 470 m. Vào mùa mưa việc tiêu thoát nước cho khu công nghiệp Yên Phong I gặp khó khăn thường xuyên bị ngập úng, trong đó có khoảng 30 ha thuộc xã Thụy Hòa thường xuyên bị ngập úng kéo dài, ảnh hưởng đến năng suất cây trồng và sản xuất công nghiệp.

Như vậy việc đầu tư Cứng hóa kênh tiêu Tây Nam trạm bơm tiêu Phấn Động, huyện Yên Phong (đoạn từ dự án Susan đến K0+170 kênh tiêu V4) là hết sức cần thiết góp phần nâng cao khả năng tiêu thoát, cải tạo môi trường sinh thái khu vực dự án.

### **1.2. Các điều kiện để thực hiện đầu tư**

#### **1.2.1. Thuận lợi**

- Khu vực xây dựng dự án có địa hình tương đối bằng phẳng, độ dốc không quá lớn điều đó tạo điều kiện thuận lợi cho việc tổ chức, triển khai mặt bằng thi công.

- Khu vực xây dựng dự án có hệ thống đường giao thông hoàn chỉnh, nằm gần khu dân cư vì vậy trong quá trình xây dựng việc tập kết, vận chuyển vật liệu, thiết bị thi công thuận lợi dễ dàng.

#### **1.2.1. Khó khăn**

Dự án nằm giáp với khu công nghiệp Yên Phong nên thường xuyên có lưu lượng người tham gia giao thông cao, nên ảnh hưởng đến quá trình thi công.

### **1.3. Đánh giá về sự phù hợp với quy hoạch, kế hoạch đầu tư**

Căn cứ Quyết định số 19/2019/QĐ-UBND ngày 10/10/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh Bắc Ninh v/v phân cấp quản lý, khai thác, bảo vệ công trình thủy lợi và điểm giao nhận sản phẩm, dịch vụ thủy lợi trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh;

Căn cứ Quyết định số 1369/QĐ-TTg ngày 17/10/2018 của Thủ tướng Chính Phủ về việc phê duyệt Đồ án điều chỉnh quy hoạch xây dựng vùng tỉnh Bắc Ninh đến năm 2035, tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Quyết định số 2052/QĐ-UBND ngày 22/3/2018 của Chủ tịch UBND huyện Yên Phong Về việc phê duyệt đồ án quy hoạch chi tiết khu nhà ở đấu giá quyền sử dụng đất tạo vốn, xã Thụy Hòa và xã Yên Trung huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh;

Đối chiếu với quy hoạch đã được phê duyệt thì dự án Cứng hóa kênh tiêu Tây Nam trạm bơm tiêu Phấn Động, huyện Yên Phong (đoạn từ dự án Susan đến K0+170 kênh tiêu V4) là hoàn toàn phù hợp với quy hoạch phát triển thủy lợi và quy hoạch phát triển đô thị của tỉnh Bắc Ninh.

## **2. Mục tiêu, quy mô, địa điểm và phạm vi đầu tư.**

### **2.1. Mục tiêu đầu tư**

- Đảm bảo khả năng tiêu thoát nước, tránh ngập úng cho khoảng 261 ha diện tích đất tự nhiên của huyện Yên Phong và khu công nghiệp Yên Phong 1.
- Đảm bảo mỹ quan, cảnh quan khu vực, tạo sự kết nối giữa khu công nghiệp với khu dân cư nhằm khai thác, thúc đẩy phát triển dịch vụ góp phần phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

### **2.2. Quy mô đầu tư**

- Cứng hóa kênh tiêu Tây Nam trạm bơm tiêu Phấn Động, huyện Yên Phong (đoạn từ dự án Susan đến K0+170 kênh tiêu V4) với chiều dài khoảng 470m;
- Xây dựng mới các công trình trên kênh nhằm đảm bảo tiêu thoát nước và phục vụ nhu cầu đi lại của nhân dân trong vùng.
- Cấm mốc chỉ giới phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi theo Luật thủy lợi số 08/2017/QH14.

## **3. Dự kiến tổng mức đầu tư và cơ cấu nguồn vốn đầu tư**

### **3.1. Dự kiến tổng mức đầu tư của dự án: 12.498.375.000 đồng.**

( Mười hai tỷ, bốn trăm chín mươi tám triệu ba trăm bảy mươi lăm nghìn đồng./.)

Trong đó:

- |                          |                      |
|--------------------------|----------------------|
| + Chi phí xây dựng:      | 10.554.315.000 đồng. |
| + Chi phí quản lý dự án: | 238.566.000 đồng.    |

+ Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng:	968.624.000 đồng.
+ Chi phí khác:	141.709.000 đồng.
+ Chi phí dự phòng:	595.161.000 đồng.

### 3.2. Phương án huy động vốn và khả năng cân đối vốn

Nguồn vốn từ ngân sách tỉnh và các nguồn vốn khác (nếu có).

### 3.3. Cơ cấu nguồn vốn đầu tư

Nguồn vốn từ ngân sách tỉnh: **12.498.375.000 đồng.**

### 4. Dự kiến tiến độ triển khai thực hiện đầu tư phù hợp với điều kiện thực tế và khả năng huy động các nguồn lực theo thứ tự ưu tiên đảm bảo đầu tư tập trung, có hiệu quả

Tiến độ triển khai dự án Cứng hóa kênh tiêu Tây Nam trạm bơm tiêu Phấn Động, huyện Yên Phong (đoạn từ dự án Susan đến K0+170 kênh tiêu V4), phải căn cứ vào kế hoạch bố trí vốn, điều kiện thực tế và khả năng huy động các nguồn lực khác để đảm bảo việc đầu tư được tập trung, có hiệu quả.

Dự kiến tiến độ triển khai dự án năm 2020-2021:

Năm	Nguồn vốn NSTW (1.000 đồng)	Nguồn vốn cấp tỉnh quản lý (1.000 đồng)	Nội dung xây dựng
Năm 2020	0	0	Chuẩn bị đầu tư
Năm 2021	0	12.498.375	Thi công xây dựng kênh và công trình trên kênh
<b>Tổng</b>		<b>12.498.375</b>	

### 5. Xác định sơ bộ chi phí liên quan trong quá trình thực hiện

- Các chi phí liên quan trong quá trình thực hiện gồm chi phí đảm bảo an toàn giao thông; chi phí vệ sinh môi trường...

- Sau khi dự án hoàn thành Chủ đầu tư sẽ tiến hành đầy đủ các thủ tục để bàn giao cho đơn vị quản lý đưa vào khai thác, sử dụng. Cụ thể trong dự án này đơn vị tiếp nhận để đưa vào vận hành là Công ty TNHH MTV KTCTTL Bắc Đuống.

- Chi phí vận hành dự án sau khi hoàn thành bao gồm: Chi phí vận hành hệ thống điều tiết dọc kênh, cống trên kênh; chi phí trả lương cho cán bộ quản lý, vận hành; chi phí duy tu bảo dưỡng công trình hàng năm...

### 6. Phân tích, đánh giá sơ bộ tác động về môi trường, xã hội; xác định sơ bộ hiệu quả đầu tư về kinh tế - xã hội

## **6.1. Phân tích, đánh giá sơ bộ tác động về môi trường, xã hội**

### **6.1.1. Tác động về môi trường trong thời gian xây dựng.**

#### *a) Tác động về môi trường, xã hội trong thời gian xây dựng.*

Các hoạt động trong quá trình xây dựng công trình sẽ làm ảnh hưởng đến môi trường khu vực như: Công tác thi công bê tông, các công tác xây lát, vận chuyển phế thải ra bãi đổ, vận chuyển vật liệu xây dựng đến công trình, sinh hoạt của cán bộ, công nhân phục vụ thi công, các hoạt động khác... sẽ sinh ra các chất có khả năng gây ô nhiễm môi trường như sau:

+ Khí thải từ các phương tiện vận tải chở vật liệu xây dựng, các loại máy móc, thiết bị thi công như bụi, khí NO<sub>x</sub>, SO<sub>x</sub>, CO, hydrocacbon.

+ Bụi đất, cát sinh ra do các thiết bị vận chuyển và gió cuốn lên.

+ Tiếng ồn từ các loại phương tiện vận tải và các loại máy móc thi công.

+ Các loại chất thải rắn như các mảnh vật liệu xây dựng, giấy, bao bì và các loại rác thải sinh hoạt khác.

+ Ảnh hưởng đến giao thông trong khu vực, an ninh trật tự do của xe máy thi công, sự tập trung của cán bộ, công nhân trên công trường.

+ Các vấn đề về an toàn lao động, cháy nổ trong quá trình thi công.

Như vậy, các hoạt động trên sẽ tác động và làm ảnh hưởng đến môi trường nước, môi trường không khí và xã hội. Tuy nhiên các tác động này không lâu dài và có thể được giảm thiểu bằng các biện pháp của Nhà thầu trong quá trình thi công.

#### *b) Các biện pháp giảm thiểu tác động môi trường, xã hội.*

- Có đầy đủ các phương tiện vận chuyển bảo đảm yêu cầu kỹ thuật để hạn chế ô nhiễm tiếng ồn, khí thải trong quá trình vận chuyển và xây dựng;

- Khi vận chuyển nguyên vật liệu, các loại phương tiện máy móc thiết bị nên tránh các giờ cao điểm để hạn chế ảnh hưởng đến giao thông đi lại trong khu vực, đồng thời các phương tiện cần thực hiện các quy định sau:

+ Các xe vận chuyển được kiểm tra định kỳ, bảo dưỡng theo quy định;

+ Xe chuyên chở nguyên vật liệu phải được che đậy, chống rơi vãi dọc đường và vệ sinh sạch sẽ để tránh gây ô nhiễm bụi;

+ Quy định xe chở đúng tải trọng, sử dụng đúng nhiên liệu với thiết kế của động cơ và chấp hành nghiêm chỉnh các quy định khác có liên quan;

- Khi ký kết hợp đồng vận chuyển yêu cầu lái xe phải đảm bảo các điều kiện về kỹ thuật xe, trình độ lái xe cũng như các qui định khác của Nhà nước về vận chuyển.

- Đối với các chất thải rắn sinh ra trong quá trình xây dựng như gạch vỡ,

sạn, sỏi rơi vãi, gỗ, nhựa, sắt thép và rác thải sinh hoạt, Chủ dự án sẽ yêu cầu nhà thầu xây dựng áp dụng các giải pháp xử lý như sau:

+ Giấy, nhựa, sắt thép sẽ được thu gom và tập trung tại nơi quy định để bán cho cơ sở khác tái sử dụng;

+ Các chất thải rắn vô cơ như gạch, bê tông phải được vận chuyển đến vị trí tập kết theo quy định;

+ Rác thải sinh hoạt tập trung thu gom và đổ đúng nơi quy định để xử lý.

+ Ngoài các biện pháp chính giảm thiểu ô nhiễm môi trường đã nêu trên, cần kết hợp các biện pháp sau:

(1) Thông báo và tuyên truyền: Qua phương tiện thông tin đại chúng truyền thanh, truyền hình thông báo cho nhân dân trong vùng biết thời gian thi công, qui mô xây dựng và những vấn đề cần chú ý trong quá trình xây dựng dự án;

(2) Biển báo khu vực thi công: Tại khu vực thi công có thiết bị như máy xúc, ô tô vận chuyển, ... hoạt động liên tục 2 ca trong ngày cần phải có biển báo phản quang ở các đầu khu vực công trường thi công;

(3) Phòng cháy chữa cháy và các biện pháp giữ gìn ANTT xã hội:

+ Tổ chức thành lập đội bảo vệ gồm bảo vệ công trường; đảm nhận việc phòng cháy chữa cháy và giữ gìn ANTT trong khu vực thi công;

+ Quán triệt mọi cán bộ công nhân viên trên công trường và nội dung bảo vệ ANTT trong khu vực. Chuẩn bị sẵn các dụng cụ PCCC cho các đội sản xuất;

+ Các phương tiện máy móc, thiết bị phải tu sửa hoàn thiện mới được đưa vào thi công, tuyệt đối không được để rò rỉ xăng dầu;

+ Kho tàng vật tư công trường phải được bao che cẩn thận, kín đáo.

(4) Người lao động: Người điều khiển máy móc thiết bị phải vận hành thành thạo loại máy mà mình điều khiển; tuyệt đối không được làm bừa, làm ẩu, và tuyệt đối không được uống rượu, thức khuya, vì dễ gây tai nạn trong lúc làm việc. Phải có kiến thức đầy đủ về an toàn lao động.

(5) Trang thiết bị an toàn lao động: Trang bị phòng hộ lao động theo quy định của nhà nước phải được cấp phát đầy đủ đến tay người lao động, cán bộ phải thường xuyên đôn đốc mọi người phải sử dụng bảo hộ lao động để tránh những trường hợp đáng tiếc xảy ra.

(6) Công tác vệ sinh môi trường: Công trường thi công tập chung đông người, xe cộ, trong khi nguồn nước sinh hoạt chủ yếu lấy từ giếng khoan và nước mưa trong bể chứa. Vậy muốn làm tốt công tác vệ sinh môi trường cần làm tốt các việc sau:

- Giáo dục nâng cao nhận thức về vệ sinh môi trường;

- Nơi sinh hoạt của cán bộ công nhân viên:

+ Khu sinh hoạt của cán bộ, công nhân phải chọn nơi thoáng, mát, gọn gàng, lợi hướng gió, nhà ăn, nhà ở bố trí hợp lý;

+ Bố trí khu vệ sinh phù hợp, thường xuyên sạch sẽ, công trường phải có cán bộ y tế, thường xuyên quan tâm vệ sinh thực phẩm nhà ăn.

6.1.2. Tác động tích cực, tiêu cực đến môi trường sau khi thực hiện dự án.

a) Các tác động tích cực.

Khi dự án hoàn thành sẽ mang lại nhiều lợi ích tích cực tới nhân dân trong vùng hưởng lợi, cụ thể:

- Dự án hoàn thành góp phần tiêu thoát nước kịp thời cho diện tích đất nông nghiệp, công nghiệp của khu vực đảm bảo cho người dân ổn định sản xuất, góp phần phát triển kinh tế và xây dựng nông thôn mới;

- Dự án hoàn thành kết nối giữa khu công nghiệp với khu dân cư nhằm khai thác, thúc đẩy phát triển dịch vụ góp phần phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

b) Các tác động tiêu cực.

Ngoài các lợi ích mang lại của dự án như đã nêu trên, thì khi dự án hoàn thành cũng phát sinh một số các tác động tiêu cực, cụ thể:

- Tiếng ồn và khói bụi ảnh hưởng đến môi trường và nhân dân trong vùng trong thời gian thi công;

- Một phần diện tích đất nông nghiệp dọc theo bên bờ kênh sẽ bị mất đi do công trình chiếm chỗ.

## 6.2. Xác định sơ bộ hiệu quả đầu tư về kinh tế - xã hội

- Việc Đầu tư xây dựng dự án : Cứng hóa kênh tiêu tây nam trạm bơm tiêu Phấn Động ( đoạn từ dự án Susan đến K0+170 kênh tiêu V4 ) huyện Yên Phong sẽ đảm bảo khả năng tiêu thoát nước cho 261 ha đất tự nhiên của huyện Yên Phong và khu công nghiệp Yên Phong 1.

- Đảm bảo mỹ quan, cảnh quan khu vực, tạo sự kết nối giữa khu công nghiệp với khu dân cư nhằm khai thác, thúc đẩy phát triển dịch vụ góp phần phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

- Nhân dân vùng hưởng lợi yên tâm sản xuất, ổn định đời sống, sinh hoạt.

Như vậy có thể thấy, nếu dự án được đầu tư xây dựng sẽ mang lại hiệu quả cả về kinh tế và xã hội. Tiêu thoát nước kịp thời cho diện tích đất nông nghiệp, dân cư trong khu vực đặc biệt là khu công nghiệp Yên Phong. Góp phần phát triển kinh tế xã hội vùng hưởng lợi nói riêng và huyện Yên Phong nói chung. Góp phần đẩy nhanh tái cơ cấu ngành nông nghiệp của tỉnh và đẩy nhanh phát triển công nghiệp hóa. Đây cũng là vấn đề mà các cấp, các ngành của tỉnh Bắc Ninh hết sức quan tâm.

## 7. Tổ chức thực hiện

- Chủ đầu tư: Ban QLDA ĐTXD các công trình Nông nghiệp và PTNT Bắc Ninh.

- Quản lý dự án: Ban QLDA ĐTXD các công trình Nông nghiệp và PTNT Bắc Ninh.

- Sở Nông nghiệp và PTNT thẩm định dự án.

- Công tác đền bù GPMB do Hội đồng đền bù GPMB Huyện Yên Phong thực hiện.

Sở Nông nghiệp và PTNT Bắc Ninh trình UBND tỉnh xem xét, phê duyệt chủ trương đầu tư dự án Cứng hóa kênh tiêu Tây Nam trạm bơm tiêu Phấn Động, huyện Yên Phong (đoạn từ dự án Susan đến K0+170 kênh tiêu V4). *l. Lu*

### Nơi nhận:

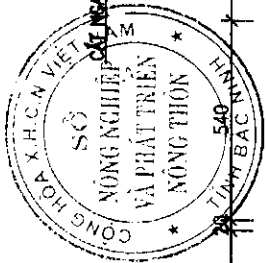
- Như trên;
- Sở Kế hoạch và Đầu tư;
- Sở Tài chính;
- Ban QLDA;
- Lưu VT, KH-TC.

**GIÁM ĐỐC**



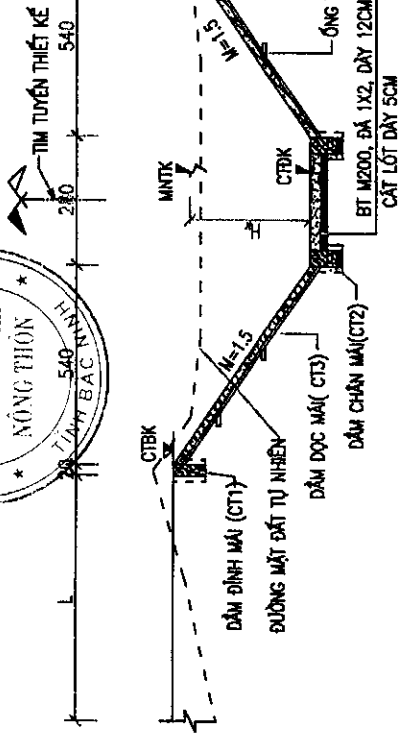
**Đặng Trần Trung**





**CHI TIẾT THIẾT KẾ KÊNH HÌNH THANG**

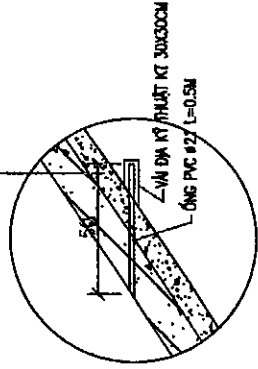
TỶ LỆ: 1/100



**CHI TIẾT THIẾT KẾ MÀU**

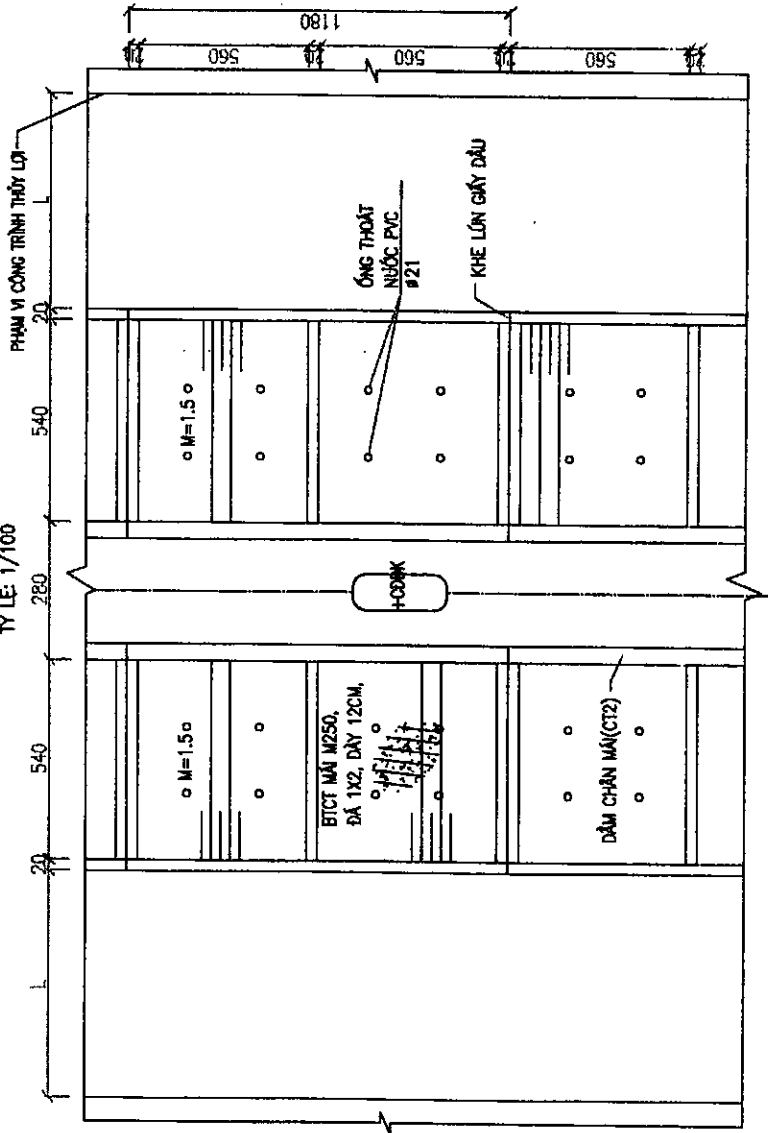
TỶ LỆ: 1/12

BTCT M250, ĐÁ 1x2, DÀY 12CM  
VỮA LÓT M50, DÀY 5CM



**MẶT BẰNG ĐIỆN HÌNH KÊNH HÌNH THANG**

TỶ LỆ: 1/100



**GHI CHÚ:**

- KÝ HIỆU MNTK: CAO TRÌNH MỨC NƯỚC THIẾT KẾ.
- KÝ HIỆU CTBK: CAO TRÌNH ĐÁY KÊNH.
- KÝ HIỆU CTDP: CAO TRÌNH BỜ KÊNH.
- KÝ HIỆU CTĐD: CAO TRÌNH DẦM ĐINH KÊNH.
- KÝ HIỆU BK: BỀ RỘNG KÊNH.
- KÝ HIỆU HK: CHIỀU RỘNG MÀU KÊNH TRONG TÔNG.
- KÝ HIỆU L: CHIỀU RỘNG MÀU KÊNH BỀ TÔNG.
- TẠI CÁC VỊ TRÍ DẦM ĐẢO THỦ CÔNG MÓNG DẦM MỎI BÊN 10CM ĐÁP HOÀN TRẢ BẢNG DC.
- CHÚ \*MỐC LỘ CỘT\*, CHÚ CHỈM, NÉT CHỮ MÀU ĐỎ CAO 6CM, RỘNG 1CM SÁU VÀO TRONG BỀ TÔNG 3-5MM
- ĐƠN VỊ GH TRONG BẢN VẼ GHI LÀ CM, CAO TRÌNH GHI LÀ M

## BẢNG TỔNG HỢP DỰ TOÁN CÔNG TRÌNH

CÔNG TRÌNH : CÚNG HÓA KÊNH TIÊU TÂY NAM TRẠM BOM TIÊU PHÁN ĐỘNG, HUYỆN YÊN PHONG  
( ĐOẠN TỪ DỰ ÁN SU SAN ĐẾN K0+170 KÊNH TIÊU V4 )

Đơn vị tính : đồng

STT	Khoản mục chi phí	Ký hiệu	Định mức	Hệ số	Cách tính	Chi phí trước thuế	Thuế giá trị gia tăng	Chi phí sau thuế
1	Chi phí xây dựng	Gepxd				9.594.831.660	959.483.167	10.554.314.827
2	Chi phí quản lý dự án	Gqlda	3.10800 %	0.80000	3,108% x (Gxd+Gtb)	238.565.894		238.565.894
3	Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng	Gtv			Gtv1 : Gtv35	880.567.819	88.056.782	968.624.600
3.1	Chi phí khảo sát địa hình, địa chất	Gtv1				181.818.182	18.181.818	200.000.000.0
3.2	Chi phí giám sát công tác khảo sát xây dựng	Gtv3	4.07200 %		4,072%*Gtv1	7.403.636	740.364	8.144.000
3.3	Chi phí lập báo cáo kinh tế - kỹ thuật	Gtv7	3.80000 %		3,8% x (Gxd+Gtb)	364.603.603	36.460.360	401.063.963
3.4	Chi phí thẩm tra Báo cáo kinh tế - kỹ thuật, phân thiết kế	Gtv11	0.18900 %	1.20000	0,189% x Gxd	21.761.078	2.176.108	23.937.186
3.5	Chi phí thẩm tra Báo cáo kinh tế - kỹ thuật, phân dự toán	Gtv12	0.18300 %	1.20000	0,183% x Gxd	21.070.250	2.107.025	23.177.275
3.6	Chi phí Lập hồ sơ mời thầu, đánh giá hồ sơ dự thầu thi công xây dựng	Gtv19	0.36100 %		0,361% x GXD(Dự toán gói thầu)	34.637.342	3.463.734	38.101.077
3.7	Chi phí giám sát thi công xây dựng	Gtv28	2.59800 %		2,598% x Gxd	249.273.727	24.927.373	274.201.099
4	Chi phí khác	Gk			Gk1 : Gk9	137.163.701	4.545.455	141.709.155
42	Phi thẩm định BCKTKT (Thông tư 209/2016/TT-BTC)	Gk5	0.01900 %			2.374.691		2.374.691
43	Chi phí thẩm tra, phê duyệt quyết toán	Gk7	0.63800 %			79.739.633		79.739.633

STT	Khoản mục chi phí	Ký hiệu	Định mức	Hệ số	Cách tính	Chi phí trước thuế	Thuế giá trị gia tăng	Chi phí sau thuế
4.5	Chi phí thẩm định hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu (Nghị định 63/2014/NĐ-CP)	Gtv25	0.05000 %		$0,05\% * Gxd$	4.797.415.8		4.797.415.8
4.6	Chi phí thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu (Nghị định 63/2014/NĐ-CP)	Gtv28	0.05000 %		$0,05\% * Gxd$	4.797.415.8		4.797.415.8
	Chi phí thí nghiệm cọc BTCT					45.454.545.5	4.545.454.5	50.000.000.0
<b>5</b>	<b>Chi phí dự phòng</b>	<b>Gdp</b>			<b>Gdp1 + Gdp2</b>	<b>595.160.724</b>	<b>0</b>	<b>595.160.724</b>
5.1	Chi phí dự phòng cho yếu tố khối lượng phát sinh	Gdp1	5.00000 %		$5\% \times$ (Gcpxd+Gtb+G qlda+Gtv+Gk)	595.160.724		595.160.724
	<b>TỔNG CỘNG</b>					<b>11.446.289.798</b>	<b>1.052.085.403</b>	<b>12.498.375.201</b>
	<b>LÀM TRÒN</b>	<b>Gtmdt</b>						<b>12.498.375.000</b>

